TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2023/HC-PT
Ngày: 29/3/2023
Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh N mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 529/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1826/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2023 giữa:

***Người khởi kiện**: Bà Trương Thị Nguyệt C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 37, cụm 5, phường X, quận T, thành phố H (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trương P, sinh năm 1959; địa chỉ: xóm 1, xã D, huyện D1, tỉnh N; (Có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh N trong quá trình xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

**** Người bị kiện***: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D1, tỉnh N và Ủy ban nhân dân huyện D1, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H; chức vụ: Phó Chủ tịch (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:*

+ Ủy ban nhân dân xã D, huyện D1, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn V; chức vụ: Chủ tịch (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1976; Địa chỉ: tổ 37, cụm 5, phường X, quận T, thành phố H (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Trương P, sinh năm 1959; địa chỉ: xóm 1, xã D, huyện D1, tỉnh N; (Có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh N trong quá trình xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Người kháng cáo: Bà Trương Thị Nguyệt C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày như sau:

Năm 1994, Ủy ban nhân dân xã D có chủ trương bán đất bám quốc lộ 1A cho những người có hộ khẩu trên đại bàn xã, mỗi người đứng tên một suất 10m/suất. Lúc đó gia đình bà mua ba suất nên bố bà là ông Trương P đã lấy tên bà và hai suất còn lại là tên của bố bà ông Trương P và suất còn lại mẹ bà đứng tên là Nguyễn Thị L. Thửa đất do bà đứng tên (lúc đó mới 12 tuổi) với diện tích 475,9m^2 (theo bản trích đo năm 2011) bám trục đường Quốc lộ 1A 10 mét với giá 6.600.000 đồng. Sau đó gia đình bà Cầm có nộp thêm 2.200.000 đồng để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 788 tờ bản đồ 112-62, diện tích 280m² (cấp sau dự án PMU1). Khi bán đất Ủy ban nhân dân xã cắm mốc theo suất cứ 10m/suất bám trục đường quốc lộ 1A. Nhưng trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan Nhà nước không tiến hành đo đạc lại diện tích thực tế nhưng lại ghi diện tích 280m^2. Để mở rộng quốc lộ 1A, năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện D1 đã lấy của gia đình bà 97,5m^2 mà không ban hành quyết định thu hồi đất và cũng không bồi thường hỗ trợ cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Việc sử dụng đất của bà là hợp pháp và đã được sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp, không lấn chiếm thuộc trường hợp được bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai năm 2013, Điều 42, Điều 87, Điều 97 Luật Đất đai năm 2003, Điều 27 Luật Đất đai năm 1993, Điều 8 và Điều 16 Nghị định 197/2004, Điều 45, Điều 92 Nghị định 181/2004, Điều 47 Nghị định 84/2007, Điều 14 Nghị định 69/2009, Điều 12 Nghị định 47/2014… và các công văn chỉ đạo của các cấp nhưng UBND huyện D1 vẫn không thực hiện nên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của gia đình bà Cầm.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, bà Trương Thị Nguyệt C làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh N buộc:

- Ủy ban nhân dân huyện D1 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần diện tích 97,5m^2 trong chỉ giới PMU1.

- Hủy bỏ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Nguyệt C (lần đầu).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng K nhất trí với phần trình bày của người khởi kiện.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D1 và Chủ tịch Ủy bản nhân dân huyện D1 là ông Lê Mạnh H trình bày:

Thửa đất bà Trương Thị Nguyệt C đang sử dụng có diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 280m^2 , thuộc thửa đất số 788, tờ bản đồ số 112-62 (thửa trích đo số 2 tờ bản đồ trích đo số 10, diện tích theo trích đo 475,9m^2), loại đất ở và đất vườn; sử dụng từ năm 1994 đến khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1A, không tranh chấp.

Về phạm vi ảnh hưởng bởi dự án đối với thửa đất bà Trương Thị Nguyệt C: Theo trích đo phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thì thửa đất của bà Trương Thị Nguyệt C có tổng diện tích là 475,9m^2 trong đó diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A là 134,6m^2 (tính từ mép nhựa cũ đến mốc 881/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải), trong đó:

- Diện tích đất nằm trong phạm vi đã giải tỏa của dự án PMU1 là 97,5m^2.

- Diện tích nằm ngoài phạm vi PMU1 (từ mốc PMU1 đến mốc GPMB 881) là 37,1m^2.

Căn cứ vào hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND huyện D1 đã thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Trương Thị Nguyệt C đối với phần diện tích bị ảnh hưởng nằm ngoài phạm vi PMU1 là 52,5m^2 của 02 thửa đất bị ảnh hưởng nằm ngoài PMU1 37,1m^2. Phần diện tích nằm trong phạm vi PMU1 là 97,5m^2 UBND huyện D1 không ban hành Quyết định thu hồi đất và bà Trương Thị Nguyệt C không được xem xét bồi thường, hỗ trợ.

Việc bà Trương Thị Nguyệt C yêu cầu UBND huyện D1 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi97,5m^2 đất của gia đình bà là không có căn cứ để xem xét giải quyết. UBND huyện D1 đề nghị giữ nguyên Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Nguyệt C, trú tại xóm 1 xã D, huyện D1, tỉnh N (lần đầu).

Ý kiến của đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã D:

Thửa đất bà Trương Thị Nguyệt C đang sử dụng có diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 280m^2, thuộc thửa đất số 788, tờ bản đồ số 112-62 (thửa trích đo số 2 tờ bản đồ trích đo số 10, diện tích theo trích đo 475,9m^2), loại đất ở và đất vườn; sử dụng từ năm 1994 đến khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1A, không tranh chấp.

Có nguồn gốc Hợp tác xã giao đất có thu tiền sử dụng từ năm 1994 (sau ngày 21/12/1982).

Phần đất bà Trương Thị Nguyệt C khiếu nại, yêu cầu bồi thường hỗ trợ qua xác minh không tìm thấy các hồ sơ, giấy tờ liên quan thể hiện việc được giao, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả xét duyệt của UBND xã D xác định: phần diện tích đất của bà Trương Thị Nguyệt C từ mốc PMU1 trở xuống phía Đông đã được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần diện tích đất từ mốc PMU1 trở lên phía Tây (đường Quốc lộ 1A) 97,5m² là phần diện tích không được giao và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HC-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại; Điều 40, 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 7 Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 20, điểm c khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nguyệt C về việc:

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện D1 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần diện tích 97,5m^2 trong chỉ giới PMU1.

- Hủy Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Nguyệt C (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2022, người khởi kiện là bà Trương Thị Nguyệt C có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấyTòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà C là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 24/3/2021, bà Trương Thị Nguyệt C nộp đơn khởi kiện đề nghị hủy Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện D1 và buộc Uỷ ban nhân dân huyện D1 phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần diện tích 97,5m^2 trong chỉ giới PMU1. Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 30,khoản 3 Điều 32,điểm a khoản 2Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính.Đơn kháng cáo của bà Trương Thị Nguyệt C trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã D, huyện D1, tỉnh N cóđơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứĐiều 225 Luật Tố tụng hành chính Hộiđồng quyếtđịnh xét xử vụán theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:Tòaán cấp sơ thẩmđã xem xét, đánh giá tính hợp pháp của quyếtđịnh hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

[2.1]. Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện D1, tỉnh Nvề việc giải quyết khiếu nại của bà Trương Thị Nguyệt C được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2]. Về nội dung, căn cứ ban hành Quyết định:

Theo người khởi kiện, năm 2014, thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A Nhà nước thu hồi của gia đình bàTrương Thị Nguyệt C 134,6m^2 đấtnhưng mới bồi thường diện tích từ mốc PMU1 đến mốc 881 là 37,1m^2 là không đúng; bà Cyêu cầu Nhà nước bồi thường phần diện tích đất từ mốc PMU1 đến chân công trình theo trích đo lập năm 2011 là 97,5m^2.

Tòaán cấp sơ thẩmđã xem xétnguồn gốc thửa đất của bà Trương Thị Nguyệt C, theo đóđã căn cứ vào giấy xác nhận nguồn gốc, thời gian và diện tích sử dụng do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D1 xác nhận (kèm hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng dự án mở rộng nâng cấp Quốc lộ 1A của hộ bà Trương Thị Nguyệt C) thể hiện:

Thửa đất bà Trương Thị Nguyệt C đang sử dụng thuộc thửa đất 788, tờ bản đồ số 112-62, diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 280m^2 (thửa trích đo số 2, tờ bản đồ trích đo số 10, diện tích trích đo 475,9m^2), loại đất ở và đất vườn; sử dụng từ năm 1994 đến khi thực hiện giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1A, không có tranh chấp.

- Về hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ, kết quả xét duyệt nguồn gốc và xác nhận tại Ủy ban nhân dân xã D:

Bản đồ 364, sổ mục kê lập năm 1994 thể hiện: Thửa đất trên thuộc thửa đất cũ số 788, tờ bản đồ 112-62, diện tích 280m^2.

Tại Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 23/02/2021 cho thấy Ủy ban nhân dân xã D xác nhận phần diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân ngoài phạm vi mốc PMU1 trở xuống phía Đông đã được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần diện tích từ mốc PMU1 trở lên phía Tây (đường QL 1A) là phần diện tích không được giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, cụ thể: Ủy ban nhân dân xã D xác nhận phần diện tích 97,5m^2 nằm trong phạm vi PMU1 thuộc thửa đất trích đo số 2, tờ bản đồ số 10, nằm trong hành lang giao thông không giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Nguyệt C.

- Về phạm vi ảnh hưởng của dự án đối với thửa đất của bà Trương Thị Nguyệt C:

Theo trích đo phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thì thửa đất của bà Trương Thị Nguyệt C có tổng diện tích là 475,9m^2 trong đó diện tích

bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A là 134,6m^2 (tính từ mép nhựa cũ đến mốc 881/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải), trong đó: Diện tích đất nằm trong phạm vi đã giải tỏa của dự án PMU1 là 97,5m^2; diện tích nằm ngoài phạm vi PMU1 (từ mốc PMU1 đến mốc GPMB 881) là 37,1m^2.

Như vậy, tổng diện tích đất thực tế bà Trương Thị Nguyệt C tại xóm 1, xã D, thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10 sử dụng là 475,9m^2; trong đó, diện tích thực tế bà C sử dụng là: 475,9 - 97,5 = 387,4m^2 lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà được Ủy ban nhân dân huyện D1 cấp ngày 21/3/1996 là: 387,4- 280 = 107,4m^2.

Mặt khác, căn cứ lời khai của ông Trương P là người đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày tại phiên tòa và lời khai của ông Lê Hồng N1 - nguyên Chủ tịch UBND xã D, ông Hồ Bá N2 - nguyên cán bộ tài chính kế toán xã giai đoạn 1989 - 1994… thấy rằng, Ủy ban nhân dân xã đã bán đất cho các hộ dân trên địa bàn xã năm 1994 là trái thẩm quyền, việc giao đất chỉ xác định mỗi lô có chiều rộng 10m, chiều dài, diện tích thửa đất không xác định được. Tại phiên tòa sơ thẩmđại diện theo ủy quyền củangười khởi kiện đều khẳng định tứ cận giao đất đến nay không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện không cung cấp được biên bản giao đất. Do đó, không có căn cứ để xác định diện tích khi giao đất cho bà C. Xác định phạm vi giao đất là căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1996 là phù hợp với thực tế.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng thì UBND huyện D1 thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Trương Thị Nguyệt C đối với phần diện tích bị ảnh hưởng nằm ngoài phạm vi PMU1 là 37,1m^2 là đúng với thực tế. Phần diện tích đất thu hồi nằm trong phạm vi PMU1 là 97,5m^2 nên UBND huyện D1 không ban hành Quyết định thu hồi đất và bà Trương Thị Nguyệt C không được xem xét bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

"1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường".

Tại khoản 1 Điều 75Luật Đất đaiquy định. Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của

Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này...".

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Nguyệt C về việc hủy Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND huyện D1 về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D1 ban hành Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ pháp luật theo Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 84, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nguyệt C là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Nguyệt C.

[3]. Kháng cáo không được chấp nhận nênbà Trương Thị Nguyệt C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Trương Thị Nguyệt C; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2022/HCST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N;

2. Về án phí: Bà Trương Thị Nguyệt C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ bà C đã nộp tại Biên lai thu số 0012161 ngày 21/09/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh N (do ông Trương P nộp thay). Xác nhận bà C đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà